

Số: 516 /TBHH-CVHHQNg

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 7 năm 2025

## THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của Luồng tàu từ phao số 0 đến vùng quay tàu O1';  
Vùng quay tàu O3; Luồng ra vào cầu số 5,10 và 6,11; Vùng đậu tàu cầu số 3,  
4, 5, 6, 7, 8, 10, 11; Vùng nước trước cầu số 4,7,8,9; Vùng nước kết nối luồng  
ra vào cầu số 5,10 thuộc Bến cảng Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát  
Dung Quất

Vùng biển : Quảng Ngãi

Tên luồng : Dung Quất

Tên luồng nhánh : Luồng tàu vào Bến cảng Khu liên hợp sản xuất gang thép  
Hòa Phát Dung Quất

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy  
định

định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng  
hải; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ  
sung

một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Xét đơn đề nghị số 28/2025/ĐĐN-HPDQ ngày 08/7/2025 của Công ty Cổ  
phần thép Hòa Phát Dung Quất.

Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi thông báo thông số kỹ thuật định kỳ của luồng  
tàu từ phao số 0 đến vùng quay tàu O1'; vùng quay tàu O3; luồng ra vào cầu số  
5,10 và 6,11; vùng đậu tàu cầu số 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11; vùng nước trước cầu số  
4,7,8,9; vùng nước kết nối luồng ra vào cầu số 5,10 thuộc Bến cảng Khu liên hợp  
sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm  
tần số 160 Hz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" như sau:

### 1. Luồng tàu

#### 1.1. Luồng tàu từ phao số 0 đến vùng quay tàu O1'

- Phạm vi luồng tàu từ phao số 0 đến vùng quay tàu O1' được giới hạn bởi  
các điểm có tọa độ:

Tên	Hệ VN-2000	Hệ WGS-84
-----	------------	-----------

điểm	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N1	15°26'14.0"	108°45'13.8"	15°26'10.2"	108°45'20.3"
N2	15°24'38.6"	108°46'55.8"	15°24'34.9"	108°47'02.4"
N3	15°24'33.7"	108°46'58.2"	15°24'30.0"	108°47'04.7"
B6'	15°24'11.0"	108°47'14.9"	15°24'07.3"	108°47'21.4"
A14	15°24'10.9"	108°47'29.5"	15°24'07.2"	108°47'36.0"
N4	15°24'27.2"	108°47'29.5"	15°24'23.5"	108°47'36.1"
N4'	15°24'29.7"	108°47'29.5"	15°24'26.0"	108°47'36.1"
N5	15°24'45.2"	108°46'59.9"	15°24'41.5"	108°47'06.4"
N6	15°26'19.3"	108°45'19.1"	15°26'15.6"	108°45'25.7"

- Trong phạm vi đáy luồng hàng hải rộng 230m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu đạt: 19.5m (mười chín mét năm).

*Lưu ý: Khu vực cận giới hạn bởi 03 điểm N4, N4', N5' có tọa độ trong bảng dưới đây, có độ sâu từ 15.7m đến 19.4m.*

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N4	15°24'27.2"	108°47'29.5"	15°24'23.5"	108°47'36.1"
N4'	15°24'29.7"	108°47'29.5"	15°24'26.0"	108°47'36.1"
N5'	15°24'31.8"	108°47'25.4"	15°24'28.1"	108°47'32.0"

## 1.2. Luồng tàu ra vào cầu cảng số 5, số 10

- Phạm vi tuyến luồng tàu ra vào cầu cảng số 5, số 10 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
B8	15°24'11.0"	108°47'08.8"	15°24'07.3"	108°47'15.4"
B10	15°23'49.5"	108°47'08.8"	15°23'45.8"	108°47'15.3"
B5	15°23'49.5"	108°47'14.8"	15°23'45.8"	108°47'21.3"

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
B6'	15°24'11.0"	108°47'14.9"	15°24'07.3"	108°47'21.4"

- Trong phạm vi đáy luồng rộng 180m độ sâu đạt: 15.8m (mười năm mét tám).

### 1.3. Luồng tàu ra vào cầu cảng số 6, số 11

- Phạm vi tuyến luồng tàu ra vào cầu cảng số 6, số 11 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A6'	15°24'11.0"	108°47'23.3"	15°24'07.3"	108°47'29.8"
A9	15°23'49.5"	108°47'23.2"	15°23'45.8"	108°47'29.7"
A10	15°23'49.5"	108°47'29.4"	15°23'45.8"	108°47'35.9"
A14	15°24'10.9"	108°47'29.5"	15°24'07.2"	108°47'36.0"

- Trong phạm vi đáy luồng rộng 184,7m, độ sâu đạt: 15.7m (mười năm mét bảy).

*Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 14.4m đến 15.6m, nằm dọc theo biên A9, A10 của luồng tàu, từ điểm A9 kéo dài về phía điểm A10 khoảng 165m, khu vực rộng nhất lấn vào luồng khoảng 35m.*

## 2. Vùng quay tàu O3

Trong phạm vi vùng quay tàu có bán kính 145m, tâm tại vị trí có tọa độ:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
15°23'49.4"	108°47'28.0"	15°23'45.7"	108°47'34.6"

Độ sâu đạt: 8.2m (tám mét hai).

## 3. Vùng đậu tàu các cầu cảng số 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11

### 3.1. Cầu cảng số 3

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
B1	15°23'43.0"	108°47'17.8"	15°23'39.3"	108°47'24.3"
B3	15°23'49.5"	108°47'17.8"	15°23'45.8"	108°47'24.4"
L	15°23'49.5"	108°47'15.6"	15°23'45.8"	108°47'22.2"
8	15°23'43.0"	108°47'15.6"	15°23'39.3"	108°47'22.2"

Độ sâu đạt: 12.8m (mười hai mét tám).

*Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 8.8m đến 12.7m, tại khu vực thượng lưu của vùng nước, từ điểm B1 đến điểm 8, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 25m.*

### 3.2. Cầu cảng số 4

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
B12	15°23'43.0"	108°47'20.1"	15°23'39.3"	108°47'26.7"
E	15°23'49.5"	108°47'20.2"	15°23'45.8"	108°47'26.7"
F	15°23'49.5"	108°47'21.9"	15°23'45.8"	108°47'28.5"
A	15°23'44.7"	108°47'21.9"	15°23'41.0"	108°47'28.4"

Độ sâu đạt: 11.1m (mười một mét một).

*Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 8.8m đến 11.0m, tại khu vực điểm góc B12, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 30m.*

### 3.3. Cầu cảng số 5

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
B3	15°23'49.5"	108°47'17.8"	15°23'45.8"	108°47'24.4"
H7	15°23'59.3"	108°47'17.9"	15°23'55.6"	108°47'24.4"
B6	15°23'59.3"	108°47'14.8"	15°23'55.6"	108°47'21.4"
B5	15°23'49.5"	108°47'14.8"	15°23'45.8"	108°47'21.3"

Độ sâu đạt: 16.8m (mười sáu mét tám).

*Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 15.2m đến 16.7m, nằm dọc theo tuyến mép cầu cảng, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 6m tại điểm góc B3.*

### 3.4. Cầu cảng số 6

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
E	15°23'49.5"	108°47'20.2"	15°23'45.8"	108°47'26.7"
A7	15°23'59.3"	108°47'20.2"	15°23'55.6"	108°47'26.7"
A8	15°23'59.3"	108°47'23.2"	15°23'55.5"	108°47'29.8"
A9	15°23'49.5"	108°47'23.2"	15°23'45.8"	108°47'29.7"

Độ sâu đạt: 16.8m (mười sáu mét tám).

*Lưu ý:*

- Dải cạn có độ sâu 16.7m, tại khu vực góc điểm E, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 3m;

- Dải cạn có độ sâu từ 16.4 đến 16.7 tại khu vực điểm góc A9 kéo dài về phía điểm A8 khoảng 60m, khu vực rộng nhất lấn vào luồng khoảng 11m;

- Điểm cạn có độ sâu 16.4m, nằm tại tuyến mép cầu cảng, tại vị trí có tọa độ:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
15°23'54.5"	108°47'20.2"	15°23'50.8"	108°47'26.8"

### 3.5. Cầu cảng số 7

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
B12	15°23'43.0"	108°47'20.2"	15°23'39.3"	108°47'26.7"
B13	15°23'43.0"	108°47'26.2"	15°23'39.3"	108°47'32.7"
B	15°23'44.7"	108°47'27.9"	15°23'41.0"	108°47'34.5"

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A	15°23'44.7"	108°47'21.9"	15°23'41.0"	108°47'28.4"

Độ sâu đạt: 9.0m (chín mét).

### 3.6. Cầu cảng số 8

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
B13	15°23'43.0"	108°47'26.2"	15°23'39.3"	108°47'32.7"
B14	15°23'43.0"	108°47'30.4"	15°23'39.2"	108°47'37.0"
C	15°23'44.7"	108°47'30.4"	15°23'40.9"	108°47'37.0"
B	15°23'44.7"	108°47'27.9"	15°23'40.9"	108°47'34.5"

Độ sâu đạt: 7.2m (bảy mét hai).

### 3.7. Cầu cảng số 10

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
H7	15°23'59.3"	108°47'17.9"	15°23'55.6"	108°47'24.4"
B7'	15°24'11.0"	108°47'17.9"	15°24'07.3"	108°47'24.4"
B6'	15°24'11.0"	108°47'14.9"	15°24'07.3"	108°47'21.4"
B6	15°23'59.3"	108°47'14.8"	15°23'55.6"	108°47'21.4"

Độ sâu đạt: 20.8m (hai mươi mét tám).

*Lưu ý:*

- Dải cạn có độ sâu từ 20.2m đến 20.7m, nằm dọc theo tuyến mép cầu cảng, từ điểm B7' về phía Nam khoảng 50m, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 2m;

- Dải cạn có độ sâu từ 19.0m đến 20.7m, nằm dọc theo tuyến mép cầu cảng, từ điểm H7 về phía Bắc khoảng 135m, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 2m.

### 3.8. Cầu cảng số 11

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A7	15°23'59.3"	108°47'20.2"	15°23'55.6"	108°47'26.7"
A7'	15°24'11.0"	108°47'20.2"	15°24'07.3"	108°47'26.8"
A6'	15°24'11.0"	108°47'23.3"	15°24'07.3"	108°47'29.8"
A8	15°23'59.3"	108°47'23.2"	15°23'55.5"	108°47'29.8"

Độ sâu đạt: 20.9m (hai mươi mét chín).

*Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 20.4m đến 20.8m, nằm dọc theo tuyến mép cầu cảng, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 2m.*

## 4. Vùng nước trước cầu cảng

### 4.1. Vùng nước trước cầu cảng số 4, số 7

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A	15°23'44.7"	108°47'21.9"	15°23'41.0"	108°47'28.4"
F	15°23'49.5"	108°47'21.9"	15°23'45.8"	108°47'28.5"
A10	15°23'49.5"	108°47'29.4"	15°23'45.8"	108°47'35.9"
A'	15°23'44.7"	108°47'26.2"	15°23'41.0"	108°47'32.7"

Độ sâu đạt: 10.5m (mười mét năm).

### 4.2. Vùng nước trước cầu cảng số 7, số 8, số 9

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A'	15°23'44.7"	108°47'26.2"	15°23'41.0"	108°47'32.7"
A10	15°23'49.5"	108°47'29.4"	15°23'45.8"	108°47'35.9"
A11	15°23'49.5"	108°47'33.0"	15°23'45.7"	108°47'39.5"

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
D	15°23'44.6"	108°47'33.5"	15°23'40.9"	108°47'40.0"

Độ sâu đạt: 8.2m (tám mét hai).

## 5. Vùng nước kết nối luồng ra vào cầu cảng số 5, số 10

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N3	15°24'33.7"	108°46'58.2"	15°24'30.0"	108°47'04.7"
B6'	15°24'11.0"	108°47'14.9"	15°24'07.3"	108°47'21.4"
B8	15°24'11.0"	108°47'08.8"	15°24'07.3"	108°47'15.4"

Độ sâu đạt: 15.8m (mười năm mét tám).

## HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện thủy hoạt động trên luồng tàu vào Bến cảng Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát - Dung Quất đi đúng tuyến luồng, theo các báo hiệu hàng hải dẫn luồng và lưu ý các dải cạn nêu trên./.

### Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (b/cáo);
- Các Cảng vụ Hàng hải;
- Các Cảng vụ ĐTNĐ;
- Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc – Hoa tiêu IV;
- Bảo đảm an toàn hàng hải Trung Bộ;
- Xí nghiệp Khảo sát Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc;
- Công ty Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- Đài thông tin duyên hải Đà Nẵng;
- Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2;
- BCH Quân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Ban CH Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Quảng Ngãi;
- Các doanh nghiệp khai thác cảng biển Quảng Ngãi;
- Đại lý hàng hải, thuyền trưởng các tàu hoạt động tại D.Quất;
- Công ty Cổ phần thép Hoà Phát Dung Quất;
- Các PGĐ;
- Phòng ATANHH;
- Phòng TCHC (để đăng trên Website CVHHQNg);
- Lưu VT, QLKCHT.

### GIÁM ĐỐC

**Lê Văn Lương**